

Số: 11 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh được Quốc hội thông qua ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Giá được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13/11/2014 của Bộ Y tế về Quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14/11/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1302/TTr-SYT ngày 21/4/2015 về việc quy định giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định mức giá cụ thể của 07 dịch vụ được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung ứng và sử dụng dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mức giá dịch vụ

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá	Ghi chú
I	Khám (không bao gồm xét nghiệm và thuốc)			
01	Khám ban đầu	Đồng/lần khám/người	46.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
02	Khám khởi liệu điều trị	Đồng/lần khám/người	15.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
03	Khám định kỳ	Đồng/lần khám/người	10.000	01 lần/01 tháng hoặc theo yêu cầu
II	Cấp phát thuốc (không bao gồm thuốc)			
01	Tại cơ sở điều trị thay thế	Đồng/lần người/ngày	7.000	
02	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	Đồng/lần /người/ngày	6.000	
III	Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm)			
01	Tư vấn cá nhân	Đồng/lần/ người	10.000	Năm đầu điều trị (không quá 14 lần/năm). Từ năm điều trị thứ hai (không quá 04 lần/năm) Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
02	Tư vấn nhóm	Đồng/lần/ người	5.000	Năm đầu điều trị (không quá 06 lần/năm) Từ năm điều trị thứ hai (không quá 04 lần/năm)

3. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14/11/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Khoản thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại Quyết định này được để lại toàn bộ cho đơn vị sử dụng.

b) Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Y tế báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính, Công an;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các sở, ban, ngành;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, VX, KT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Trí